**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN**

**TIẾT .....: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện đồng thoại và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV đặt câu hỏi khơi gợi và làm quen với các bạn học sinh**: Hãy chia sẻ những cảm xúc của em về ngày đầu tiên bước chân vào mái trường THCS?

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**- GV dẫn dắt vào bài mới:** ……………………

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Tôi và các bạn  🡪 Tình bạn là một món quà trong cuộc sống. Tình bạn sưởi ấm, làm phong phú tâm hồn của mỗi chúng ta.  - **Thể loại chính**: truyện đồng thoại, thơ |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, đặc điểm về truyện và truyện đồng thoại

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và  + Tổ chức trò chơi điền khuyết vào chỗ … khi tìm hiểu phần 1: Khái niệm về truyện và truyện đồng thoại.  + Áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu phần nội dung 2: Đặc điểm  **- GV chia lớp thành 4 nhóm**  **- Yêu cầu**: tìm hiểu về đặc điểm của truyện (cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện và nhân vật)  **- Thời gian:** 10 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận trả lời các câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Khái niệm về truyện và truyện đồng thoại**  - Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  - Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người.  **2. Đặc điểm**  **a. Cốt truyện**  - Là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.  **b. Nhân vật**  - Là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật. đồ vật,...  **c. Người kể chuyện**  - Là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:  + Ngôi thứ nhất, xưng “tôi”.  + Ngôi thứ ba, người kể giấu mình.  **d. Lời người kể chuyện và lời nhân vật**  - Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cà việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật vả miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.  - Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV giao nhiệm vụ:** Kể tên một số truyện/ truyện đồng thoại mà em đã được học hoặc được nghe



**- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.**

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS đọc và chuẩn bị trước nội dung văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN**

*Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa Bài học đường đời đầu tiên, thấy được nét đặc sắc của ngòi bút Tô Hoài trong cả hai phương thức miêu tả và kể chuyện.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Rèn kĩ năng đọc truyện đồng thoại, đọc lời đối thoại phù hợp với tính cách các nhân vật, tả vật.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, yêu thế giới loài vật.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận**: Hãy nêu những điều em cảm thấy hài lòng hoặc chưa hài lòng khi nghĩ về bản thân?

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *……………………………………….*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV gọi HS đọc trước lớp**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** | | Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ |  |  | | Ngắt giọng phù hợp |  |  | | Giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng |  |  |   - GV giải thích một số từ khó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS**: Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả Tô Hoài và tác phẩm **“Dế Mèn phiêu lưu kí”,** đoạn trích **“Bài học đường đời đầu tiên”**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  b. Chú thích  **- Mẫm:** béo tròn, đầy đặn  **- Hủn hoẳn:** ngắn đến mức khó coi  - Vũ: múa, ở đây có nghĩa là vỗ cánh  **- Hùng dũng:** mạnh mẽ, hiên ngang, can đảm, mạnh bạo…  **- Dún dẩy:** chuyển động nhẹ, theo chiều lên xuống, nhịp nhàng.  **- Tợn:** bạo dạng đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi là gì.  **- Cà khịa:** cố tình gây sự để đánh nhau, cãi nhau  **- Ho he:** tỏ ý muốn chống lại  **- Xốc nổi:** hăng hái nhưng thiếu chin chắn  **- Ngụ:** ở, sinh sống  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Tô Hoài **(1920 – 2014)**, tên khai sinh là **Nguyễn Sen**  - **Quê**: Hà Nội  - Ông viết văn từ trước CMT8 – 1945.  - Ông có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi.  - **Các tác phẩm chính:** “Võ sĩ bọ ngựa”, “Dê và Lợn”, “Đôi ri đá”, “Dế mèn phiêu lưu kí”, “Đảo hoang”, “Chuyện nỏ thần”…  **b. Tác phẩm**  **\* Tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí”**  - “Dế Mèn phiêu lưu ký” (1941) là truyện đồng thoại dành cho lứa tuổi thiếu nhi, tác phẩm đã được dịch ra 40 thứ tiếng trên thế giới.  - Gồm 10 chương  **\* Đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”**  - “Dế mèn phiêu lưu kí” là **truyện đồng thoại** nổi tiếng nhất của nhà văn Tô Hoài.  - Đoạn trích trích từ **chương I.**  - Phương thức biểu đạt chính**: tự sự.**  - Ngôi kể: **ngôi thứ nhất (xưng “tôi”).**  - Bố cục:  **+ P1:** Từ đầu …sắp đứng đầu thiên hạ rồi.  🡪 Bức chân dung tự hoạ của Dế Mèn.  **+ P2**: còn lại:  🡪 Bài học đường đời đầu tiên.  - Tóm tắt:  Bài học đường đời đầu tiên kể về chàng thanh niên khỏe mạnh, cường tráng Dế Mèn. Còn trẻ, lại thông minh, đẹp mã, Dế Mèn rất tự tin về bản thân. Dù vậy, cậu lại chẳng mấy được lòng hàng xóm, bạn bè vì tính cách kiêu căng, khó chịu, hợm hĩnh và xóc nổi của mình. Những trò chọc phá người khác của Dế Mèn luôn khiến người khác khó chịu. Một lần, khi Mèn bày trò trêu chọc chị Cốc, đã dẫn đến cái chết thương tâm cho cậu bé Dế Choắt nhỏ bé, tội nghiệp. Sự kiện đau lòng đó là bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Hoàn toàn cảnh tỉnh, khiến cậu nhận ra sai lầm của bản thân, và sửa chữa để không còn kiêu căng, xốc nổi như trước nữa. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được:

- Các yếu tố của truyện đồng thoại

- Nhân vật Dế Mèn

- Nhân vật Dế Choắt

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu HS** xác định người kể chuyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, nêu các sự việc chính của đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Các yếu tố của truyện đồng thoại**  **a. Người kể chuyện**  **Dế Mèn, người kể chuyện xưng “tôi”** và tự kể lại câu chuyện của chính mình và những gì mình chứng kiến.  **b. Nhân vật**  Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc, anh Gọng Vó, chị Cào Cào 🡪 **Dế Mèn là nhân vật chính**  **c. Lời người kể chuyện**  Là phần thuật lại các sự việc trong câu chuyện  **d. Lời nhân vật**  Lời nói trực tiếp của nhân vật trong câu chuyện  **e. Các sự việc chính**  - Dế Mèn là chàng Dế khỏe mạnh, cường tráng, rất tự tin về bản thân và kiêu căng, sốc nổi.  - Dế Choắt là hàng xóm của Dế Mèn. Dế Choắt hiền lành, yếu đuối. Dế Choắt nhờ Dế Mèn giúp đỡ nhưng Dế Mèn tỏ thái độ trịch thượng, từ chối thẳng thừng và không quan tâm.  - Dế Mèn bày trò trêu trọc chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm cho Dế Choắt nhỏ bé, tội nghiệp. Sau cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã nhận ra sai lầm của bản thân và rút ra bài học đường đời đầu tiên. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV áp dụng kĩ thuật khăn trải** bàn để tìm hiểu phần a, **Đặc điểm ngoại hình, hành động, tính cách của nhân vật Dế Mèn**    **Hoạt động nhóm**  - Chia lớp thành 4 nhóm  - Yêu cầu: tìm hiểu về đặc điểm ngoại hình, hành động, tính cách của nhân vật Dế Mèn  - Thời gian: 5 phút  Đối với nội dung b,c: GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS:  + Dế Mèn đã có những lời nói, hành động nào với Dế Choắt, nhận xét về nghệ thuật được tác giả sử dụng?  + Nêu cảm xúc, suy nghĩ của Dế Mèn khi trêu chị Cốc và chứng kiến cái chết của Dế Choắt.  - GV tổ chức kĩ thuật “Chuyên gia tâm lí” để tìm hiểu về bài học của Dế Mèn (nội dung d) và đặt thêm câu hỏi mở rộng:  1. Qua hành động của Dế Mèn, em có nhận xét gì về sự thay đổi tâm lí của Dế Mèn? Theo em sự thay đổi đó có hợp lí không? Chính sự ăn năn ấy giúp ta hiểu thêm về tính cách Dế Mèn, đó là tính cách nào?  🡪 Sự thay đổi đó bất ngờ song hợp lý bởi cái chết của Dế Choắt đã tác động mạnh mẽ tới suy nghĩ của Dế Mèn, vì Dế Mèn sốc nổi song không ác ý.  🡺 Ở đây có sự biến đổi tâm lí: từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang thái độ hối hận, ăn năn  🡺 Thành công của tác giả: nghệ thuât xây dựng và miêu tả tâm lí nhân vật  2. Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ bạn. Em thử hình dung và lí giải tâm trạng Dế Mèn lúc này 🡪 rút ra bài học.  🞛 Ân hận vì thói ngông cuồng, dại dột của mình đã dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt.  🞛 Tự hứa thay đổi tính nết, từ bỏ thói hung hăng, ngỗ nghịch, kiêu ngạo.  🞛 Xin Dế Choắt tha thứ và khắc ghi câu chuyện đau lòng do mình gây ra là một bài học đường đời.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nhân vật Dế Mèn**  **a. Đặc điểm ngoại hình, hành động, tính cách của nhân vật Dế Mèn**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ngoại hình** | **Hành động** | **Tính cách** | | - càng: mẫm bóng  - vuốt: cứng, nhọn hoắt  - cánh: dài tận chấm đuôi  một màu nâu bóng mỡ  - đầu: to, rất bướng  - răng: đen nhánh  - râu: dài, cong  🡪 chàng dế thanh niên cường tráng | - nhai ngoàm ngoạp  - đạp phanh phách  - vũ lên giòn giã  - đi đứng oai vệ  - trịnh trọng vuốt râu  - cà khịa, quát nạt, đá ghẹo | - Tôi tợn lắm  - Tôi cho là tôi giỏi.  - Tôi tưởng: lầm cử chỉ ngông cuồng là tài ba, càng tưởng tôi là tay ghê ghớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.  - Quan hệ với bà con hàng xóm: cà khịa, quát chị Cào Cào, ghẹo anh Gọng Vó | | 🡪 Dế Mèn khỏe mạnh, cường tráng, tự tin… **(nét đẹp).**  🡪 Dế Mèn kiêu căng tự phụ, xem thường mọi người, hung hăng hống hách, xốc nổi **(nét chưa đẹp).**  🡺  **Nghệ thuật**: Miêu tả, nhân hoá, giọng kể kiêu ngạo | | |   **b. Lời nói, hành động của Dế Mèn đối với Dế Choắt**  - **Xưng hô**: chú mày- ta  - Lời Dế Mèn miêu tả ngoại hình Dế Choắt  + *Như gã nghiện thuốc phiện*  *+ Cánh ngắn củn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ*  *+ Hôi như cú mèo*  - Chê bai nhà cửa và lối sống của Dế Choắt: cẩu thả, tuềnh toàng…  - Từ chối lời đề nghị cần giúp đỡ của Choắt: “Đào tổ nông thì cho chết”…  🡪 NT: miêu tả, lời nói trực tiếp 🡪 Thái độ coi thường, trịch thượng, chê bai Dế Choắt 🡪 Dế Mèn ích kỉ, ngạo mạn, có thói xấu bắt nạt kẻ yếu…  **c. Cảm xúc, suy nghĩ của Dế Mèn khi trêu chị Cốc và chứng kiến cái chết của Dế Choắt**  **- Khi rủ Dế Choắt trêu chị Cốc**: Huênh hoang, không nghĩ gì đến hậu quả  **- Khi bày trò trêu chị Cốc**: Ngênh ngang, thách thức  **- Khi chị Cốc phát hiện**: Sợ hãi  **- Khi chứng kiến cái chết của Dế Choắt**: Ân hận, hối lỗi  **🡪 Tâm trạng của Dế Mèn:** Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi 🡪 Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận 🡪 Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  **d. Bài học của Dế Mèn**  - **Bài học về thói kiêu căng**: Kẻ kiêu căng, hống hách có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời.  - **Bài học về tình thân ái**: Nên biết sống đoàn kết và giúp đỡ mọi người. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức hoạt động nhóm  - Chia lớp thành 2 nhóm  - Yêu cầu: hoàn thành phiếu học tập  - Thời gian: 5 phút    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **3. Nhân vật Dế Choắt**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình dáng** | **Cách sinh hoạt** | **Ngôn ngữ** | | - Chạc tuổi: Dế Mèn  - Người: gầy gò, dài lêu ngêu như gã nghiện thuốc phiện.  - Cánh: ngắn củn … như người cởi trần mặc áo ghi nê.  - Đôi càng: bè bè, nặng nề  - Râu: cụt có một mẩu  - Mặt mũi: ngẩn ngẩn ngơ ngơ | - Ăn xổi, ở thì | - Với Dế Mèn:  + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”.  + Trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” và nói: “ở đời….thân”.  - Với chị Cốc:  + Van lạy  + Xưng hô: chị - em. | | 🡺NT: miêu tả, sử dụng thành ngữ | | | | **🡺 Gầy gò, ốm yếu nhưng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và rút ra cách đọc văn bản thuộc thể loại truyện đồng thoại.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Cách miêu tả loài vật sinh động, trí tưởng tượng độc đáo.  - Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh…  - Kể chuyện bằng ngôi thứ nhất, tự nhiên, hấp dẫn.  **2. Nội dung**  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, nông nổi, gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm...  **3. Cách đọc truyện đồng thoại**  - Nhận biết các yếu tố của truyện kể nói chung: nhân vật, cốt truyện, người kể chuyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật  - Chỉ ra đặc trưng riêng của truyện đồng thoại, đi sâu vào tìm hiểu điệu bộ, hình dáng, cử chỉ, ngôn ngữ, tính cách của nhân vật….  - Phát hiện bài học cuộc sống mà truyện muốn thể hiện  - Liên hệ bài học cuộc sống ấy với bản thân em |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi “RUNG CHUÔNG VÀNG”**

**Câu 1:** Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ tác phẩm nào?

🡪 Dế Mèn phiêu lưu kí

**Câu 2:** Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

🡪 Chương I

**Câu 3:** Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

🡪 Dế Mèn và Dế Choắt

**Câu 4:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

🡪 Tự sự

**Câu 5:** Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể lại theo lời của nhân vật nào?

🡪 Dế Mèn

**Câu 6:** Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

Khỏe mạnh, cường tráng và mạnh mẽ

**Câu 7:** Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* như thế nào?

🡪 Hung hăng, kiêu ngạo, coi thường các con vật khác

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động “GÓC CHIA SẺ**”: Hiện nay, trong cuộc sống, đặc biệt là trong lớp học vẫn còn hiện tượng "Dế Mèn". Giả sử em gặp những hiện này, em sẽ nói với bạn như thế nào? Em rút ra được bài học ứng xử như thế nào cho bản thân qua câu chuyện Dế Mèn?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được các kiểu cấu tạo của từ tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ đơn, từ láy), chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn

- Nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ:** Các thẻ chữ để lẫn lộn được xem là gạo, thóc, đỗ mụ dì ghẻ trộn làn bắt Tấm phải nhặt. các thành vên trong đội đóng vai những chú chim sẻ được Bụt sai xuống giúp cô Tấm nhặt thóc ra thóc, gạo ra gạo, đỗ ra đỗ, các đội cùng chơi chơi trong khoảng thời gian nhất định. Đội loại phân loại nhanh và đúng là đội thắng cuộc, giúp cô Tấm sớm được trẩy hội mùa xuân.

**HS các nhóm cử đại diện lên bảng tham gia phân loại từ láy, từ ghép.**

**- Từ kết quả trò chơi của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới***: Ở Tiểu học, các em đã được học về từ ghép và từ láy. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn các từ loại này trong tiếng Việt, cả lớp chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài Thực hành tiếng Việt hôm nay.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm được các khái niệm về từ đơn, từ ghép, hiểu được nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ so sánh.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **Thao tác 1: Tìm hiểu từ đơn, từ phức**  **- GV đưa ví dụ phân tích:** HỌC, HỌC SINH, TẬP THỂ DỤC  Em có nhận xét gì về số lượng tiếng của 3 ví dụ trên?  - Học 🡪 Gồm 1 tiếng tạo thành 🡪 Từ đơn  - Học sinh 🡪 Gồm 2 tiếng tạo thành 🡪 Từ phức  - Tập thể dục 🡪 Gồm 3 tiếng tạo thành 🡪 Từ phức  **GV đặt câu hỏi**, qua ví dụ trên, em hãy nêu khái niệm về từ đơn và từ phức?  **Thao tác 2: Tìm hiểu nghĩa của từ ngữ**  **GV lấy ví dụ vui:** Theo em, những từ sau có nghĩa là gì?  **Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho vÃ£i**  **- GV yêu cầu HS** giải nghĩa của các từ ngữ: hùng dũng (Mạnh mẽ, hiên ngang, can đảm, mạnh bạo), đi (Hoạt động dời chỗ bằng chân, tốc độ bình thường, hai chân không đồng thời nhấc khỏi mặt đất) và từ đó rút ra các cách giải nghĩa của từ ngữ:  - Giải nghĩa bằng cách đưa ra những từ đồng nghĩa  - Giải nghĩa bằng cách đưa ra khái niệm mà từ biểu thị  **Thao tác 3: Tìm hiểu biện pháp tu từ so sánh**  ***Ví dụ : Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.***  - **Vế A (Sự vật được so sánh):** *chàng Dế Choắt*  - **Phương diện so sánh**: gầy, cao  - **Từ so sánh**: như  - **Vế B (Sự vật dùng để so sánh):** gã nghiện thuốc phiện  🡺 Có sự tương đồng  **Tác dụng**: Làm cho hình ảnh Dế Choắt hiện lên cụ thể, sinh động với dáng vẻ yếu đuối, thiếu sức sống; đồng thời thấy được cái nhìn coi thường, lạnh lùng của Dế Mèn về Dế Choắt.  - **GV đặt câu hỏi:** Em hãy nêu khái niệm so sánh và các từ ngữ nhận diện biện pháp tu từ so sánh.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Từ đơn, từ phức**  - Từ đơn là từ chỉ có một tiếng  - Từ phức là từ có hai tiếng trở lên  + Những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép.  + Những từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) được gọi là từ láy.  **2. Nghĩa của từ ngữ**  **- Khái niệm:**  **Nghĩa của từ**: là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ…) mà từ biểu thị  **- Cách giải thích nghĩa của từ:**  + Trình bày khái niệm mà từ biểu thị  + Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích  **3. Biện pháp tu từ**  **- Khái niệm:**  So sánh là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên những điểm tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  **- Các từ thường dùng để so sánh:**  Như, như là, tựa như, hơn, kém, thua, bằng, khác nào…. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1,2,3,5  - GV chia 2 nhóm hoàn thành bài tập 4  **+ Nhóm 1**: giải nghĩa của từ nghèo, nghèo sức  **+ Nhóm 2**: giải thích nghĩa của từ mưa dầm sùi sụt, điệu hát mưa dầm sùi sụt  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  **- Từ đơn:** Tôi, Nghe, người  **- Từ phức:**  **+ Từ ghép:** Bóng mỡ, ưa nhìn  + **Từ láy:** Hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh  **Bài tập 2**  Từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên:* véo von, hừ hừ, phanh phách, phành phạch, văng vẳng, ngoàm ngoạp**.**  **Bài tập 3**  - Các từ láy:  + **Phanh phách**: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác.  + **Ngoàm ngoạp**: (nhai) nhiều, liên tục, nhanh.  + **Dún dẩy:** điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách.  - **Tác dụng**: nhân vật Dế Mèn hiện lên cụ thể, sinh động; nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ, đầy sức sống của tuổi trẻ ở Dế Mèn  **Bài tập 4**  - **Nghèo**: ở tình trạng không có hoặc có rất ít những gì thuộc về yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất (như: *Nhà nó rất nghèo, Đất nước còn nghèo)*.  - **Nghèo sức**: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế, sức khỏe kém hơn những người bình thường.  **- Mưa dầm sùi sụt: mưa nhỏ**, rả rích, kéo dài không dứt.  **- Điệu hát mưa dầm sùi sụt: điệu hát nhỏ**, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương.  **Bài tập 5**  - Anh em ta là hàng xóm láng giềng “**tắt lửa tối đèn”** có nhau.  - Việc gì anh ta làm cũng tạm bợ, không chắc chắn, **“ăn sổi ở thì”** quá.  - Cậu ta đi mưa về **“hôi như cú mèo”** ấy. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học thực hiện yêu cầu

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***GAME SHOW TÔI YÊU TIẾNG VIỆT***

[**Câu 1. Tìm từ láy trong câu sau: “Mặt mũi nó lúc nào cũng nhăn nhó như bà già đau khổ ”?**](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tim-tu-lay-trong-cau-sau-mat-mui-no-luc-nao-cung-nhan-nho-nhu-ba-gia-dau-kho-15928)

A. Mặt mũi

**B. Nhăn nhó**

C. Bà già

D. Đau khổ

[**Câu 2.** **Từ “tươi tốt” có phải từ láy không?**](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tu-tuoi-tot-co-phai-tu-lay-khongb-khongtrac-nghiem-mon-ngu-van-lop-7-15927)

A. Có

**B. Không**

**Câu 3: Từ đơn là từ?**

A. Có hai tiếng tạo thành

B. Có hai âm tiết

C. Có láy vần

**D. Có 1 tiếng tạo thành**

**Câu 4. Cách giải thích nào đúng về khái niệm nghĩa của từ?**

A. Đọc nhiều lần là từ cần được giải thích

**B. Trình bày khái niệm mà từ biểu thị**

C. Dùng từ đồng nghĩa để giải thích

D. Dùng từ trái nghĩa để giải thích

**Câu 5 : Từ “chuồn chuồn” có phải từ láy không?**

**A. Có**

B. Không

**Câu 6: So sánh là gì?**

**A. Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng, làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt**

B. Là mang hai đối tượng ra so sánh với nhau

C. Là hai sự vật, hiện tượng có nhiều nét tương đồng với nhau

D. Hai sự vật, hiện tượng có nhiều nét tương cận với nhau

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN**

*Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS nhận biết được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật hoàng tử bé và cáo; bước đẩu biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nhân vật

- HS nhận biết được những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật con vật (con cáo) được nhân cách hoá - vừa mang đặc tính của loài vật, vừa gợi tính cách con người; ngôn ngữ đối thoại sinh động; giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ một hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện, kết bạn với con người)

- HS hiểu được nội dung của đoạn trích; cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn; có ý thức về trách nhiệm với bạn bè, với những gì mình gắn bó, yêu thương.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận**:

- Theo em, tình bạn là gì?

- Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì đã khiến các em trở thành một đôi bạn thân.

- Em và người bạn ấy đã làm quen với nhau như thế nào?

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *……………………………………….*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV gọi HS đọc trước lớp**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** | | Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ |  |  | | Ngắt giọng phù hợp |  |  | | Giọng đọc to, rõ ràng |  |  |   - GV giải thích một số từ khó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS**: Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri* và tác phẩm **“Hoàng tử bé”,** đoạn trích **“Nếu cậu muốn có một người bạn”**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  b. Chú thích  ***- Cảm hóa:*** dung tình cảm tốt đẹp làm cho một đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực.  *-* ***Bông hoa****:* bông hoa hồng duy nhất trên hành tinh của Hoàng tử bé, được cậu chăm sóc, yêu thương.  *-* ***Cốt lõi****:* cái chính, cái quan trọng nhất  *-* ***Mắt trần****:* con mắt thường, ở đây chỉ cái nhìn chưa có sự gắn kết, thấu hiểu  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri* (1900-1944)  - **Quê**: là nhà văn lớn của nước **Pháp**  - **Đề tài sáng tác**: những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.  - **Phong cách sáng tác**: **Ngòi bút** của nhà văn đậm chất trữ tình, **trong trẻo** và giàu **cảm hứng lãng mạn**.  - **Tác phẩm tiêu biểu**: Hoàng tử bé, Bay đêm, Cõi người ta,...  **b. Tác phẩm**  **\* Tác phẩm “Hoàng tử bé”**  - Tác phẩm là cuốn tiểu thuyết (27 chương)  **- Nhân vật chính:** Hoàng tử bé  **- Người kể chuyện:** xưng “tôi” - một phi công bị rơi máy bay trên sa mạc Sahara và có cơ hội gặp hoàng tử bé.  - **Cốt truyện:** Hoàng tử bé từ hành tinh khác đã phiêu lưu nhiều hành tinh khác nhau, phát hiện nhiều điều thú vị, và nếm trải cả những thất vọng, đau khổ. Cuối cùng cậu quyết định quay trở lại hành tinh của mình với bông hồng duy nhất.  **\* Đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn”**  **- Xuất xứ**: chương XXI của tác phẩm  **- Thể loại**: Truyện đồng thoại.  **- Phương thức biểu đạt chính**: Tự sự  **- Bố cục:**  + **Phần 1**: Từ đầu đến “chưa được cảm hóa”  🡪 Hoàng tử bé gặp gỡ và làm quen với cáo.  + **Phần 2**: Tiếp theo đến “xích lại gần nhau hơn”:  🡪 Hoàng tử bé và cáo kết bạn, cảm hóa nhau.  + **Phần 3**: Đoạn còn lại:  🡪 Hoàng tử bé và cáo chia tay nhau.  - **Tóm tắt:** Đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn…” kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. Khi vừa xuống đến nơi, nhìn thấy vườn hoa hồng có cả trăm nghìn bông, cậu thất vọng, buồn bã vì cứ ngỡ bông hoa của mình là duy nhất. Đúng lúc đó cáo xuất hiện. Nó trò chuyện với hoàng tử bé về cuộc sống trên Trái Đất và thế nào là cảm hóa. Cáo mong muốn được hoàng tử bé cảm hóa. Rồi đến lúc phải chia tay cáo đã tặng cho hoàng tử bé một bí mật và giải thích cho cậu nghe đóa hoa của cậu là duy nhất và đặc biệt vì bông hoa đó đã cảm hóa được cậu. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được:

- Các yếu tố của truyện đồng thoại

- Nhân vật con cáo

- Nhân vật Hoàng tử bé

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu HS** xác định người kể chuyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, nêu các sự việc chính của đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Các yếu tố của truyện đồng thoại**  **a. Người kể chuyện**: Giấu mình 🡪 ngôi thứ 3 🡪 giúp câu chuyện trở nên khách quan hơn, có thể linh hoạt những gì xảy ra với nhân vật  **b. Nhân vật**: Con cáo và Hoàng tử bé  **c. Lời người kể chuyện**: Là phần thuật lại các sự việc trong câu chuyện  **d. Lời nhân vật**: Lời nói trực tiếp của nhân vật trong câu chuyện  **e. Các sự việc chính**  - Hoàng tử bé gặp con Cáo  - Cáo và Hoàng tử bé nói chuyện với nhau, Cáo giải thích về từ “Cảm hóa”.  - Cáo và Hoàng tử bé kể cho nhau nghe về hoàn cảnh của mình.  - Cáo chỉ cho Hoàng tử bé cách “cảm hóa”  - Hoàng tử bé cảm hóa con Cáo  - Hoàng tử bé đi thăm vườn hoa hồng.  - Hoàng tử bé từ biệt Cáo và quyết định quay trở về hành tinh của mình. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV yêu cầu HS tìm hiểu về nhân vật con cáo dựa trên các ý chính sau:**  + Khi gặp gỡ Hoàng tử bé  + Khi trò chuyện với Hoàng tử bé về sự “cảm hóa”  + Khi chia tay Hoàng tử bé  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  **GV đặt câu hỏi mở rộng:** Nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn có của loài vật, đồ vật, vừa mang đặc điểm tính cách của con người. Vậy trong đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn”, nhân vật cọn cáo có phải là nhân vật đồng thoại không? Vì sao?  **Gợi ý trả lời:**  + Vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, của loài vật: thích săn gà , sợ con người…  + Vừa mang những đặc điểm, tính cách của con người: cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ… | **2. Nhân vật con cáo**  **a. Khi gặp gỡ Hoàng tử bé**  - **Địa điểm**: dưới cây táo  - **Hoàn cảnh**: con Cáo đang bị săn đuổi, sợ hãi, chạy trốn con người  - **Lời nói**: con Cáo thấy mình chưa được cảm hóa, không thể chơi với Hoàng tử bé.  - **Tâm trạng**: cô đơn, buồn bã  **b. Khi trò chuyện với Hoàng tử bé về sự “cảm hóa”**  - Trong văn bản, từ cảm hóa xuất hiện **15 lần** 🡪 NT lặp lại 🡪 gắn liền với nhiều chi tiết, sự kiện quan trọng.  - Cáo đã giải thích: cảm hóa là làm cho gần gũi hơn.  - Cáo cho rằng, sức mạnh của cảm hóa là gắn kết mối quan hệ, khiến nhiều người được cảm hóa trở nên đặc biệt.  🡪 **Cảm hóa** chính là kết bạn, tạo những mối quan hệ gẫn gũi, gắn bó và cần đến nhau…  - Cáo tha thiết, mong được Hoàng tử bé “Cảm hóa”  + Bởi vậy, nếu bạn cảm hóa mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng.  + Bạn làm ơn…cảm hóa mình đi.  + Nếu muốn có một người bạn…hãy cảm hóa mình đi.  **🡪 Cuộc sống của Cáo rất cô đơn, buồn chán, tẻ nhạt. Cáo khao khát có bạn, được chia sẻ, kết nối tình cảm.**  - Cáo giải thích vai trò của “cảm hóa” thông qua sự biến đổi của cuộc sống của chính nó nếu được cảm hóa:   |  |  | | --- | --- | | Cuộc sống của Cáo (chưa được cảm hóa) | Mong ước của cáo (được cảm hóa) | | Hoàng tử bé đối với Cáo chỉ như trắm nghìn cậu bé khác, cáo không cần đến cậu. | Hoàng tử bé đối với Cáo là duy nhất trên đời. | | Hoàng tử bé không cần gì đến Cáo. | Cáo đối với Hoàng tử bé là duy nhất trên đời, Cáo và Hoàng tử bé cần nhau. | | Cuộc sống đơn điệu, nhàm chán | Cuộc đời như được chiếu sáng. | | Những tiếng bước chân khác chỉ khiến Cáo trốn vào lòng đất | Một tiếng chân khác hẳn những tiếng chân khác;  Bước chân của Hoàng tử sẽ gọi Cáo ra khỏi hang, như một tiếng nhạc. | | Lúa mì chẳng có ích gì với Cáo, chẳng gợi nhớ gì cho Cáo. | Lúa mì vàng óng ả sẽ làm cho Cáo nhớ đến Hoàng tử bé, cáo sẽ thấy thích tiếng gió trên đồng lúa mì. |   🡪 Không có sự gắn bó, niềm yêu thương thì mọi người, mọi vật trong thế giới này sẽ hóa nhạt nhẽo, vô nghĩa, “ai cũng giống ai”  - Cáo dạy Hoàng tử bé cách cảm hóa nó: “*Trước tiên, cần ngồi xa mình một chút, Cáo sẽ liếc nhìn Hoàng tử bé, Hoàng tử bé sẽ im lặng và mỗi ngày sẽ ngồi xích lại gần nhau hơn…”*  🡪 Để có một tình bạn đẹp, chúng ta cần phải kiên nhẫn, biết chia sẻ, biết lắng nghe. Chúng ta phải dành thời gian cho nhau và thấu hiểu nhau.  **c. Khi chia tay Hoàng tử bé**  ***- Cảm xúc:***  *+ “A! …mình sẽ khóc mất.”* ***🡪 Buồn***  *+ Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thấy thích tiếng gió trên đồng lúa mì”* ***🡪 Không nuối tiếc khi kết bạn với Hoàng tử bé***  ***- Suy nghĩ:***  *+ Cuộc sống đẹp đẽ hơn, hạnh phúc hơn rất nhiều kể từ khi nó kết bạn với hoàng tử bé”* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức hoạt động **CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  - Yêu cầu: hoàn thành phiếu học tập  - Thời gian: 5 phút    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS thảo luận và hoàn thành PHT  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **3. Nhân vật Hoàng tử bé**  - **Hoàn cảnh gặp gỡ với Cáo**: Hoàng tử bé đến từ một hành tinh khác, khi vừa đặt chân tới trái đất.  - **Tâm trạng khi gặp Cáo**: vừa phải đối diện với nỗi thất vọng, đau khổ khi ngỡ rằng bông hồng của cậu không phải là duy nhất.  - **Lời nói**:  + “Bạn dễ thương quá”  + Đề nghị Cáo lại gần chơi với mình.  **- Mong muốn:**  + Đi tìm bạn bè  + Tha thiết muốn được biết “cảm hóa” là gì.  **- Hành động, nhận thức:**  + Cảm hóa cáo  + Hiểu được thế nào là cảm hóa  + Nhắc lại lời của cáo để cho nhớ  🡪 Nhận xét: Hoàng tử bé rất ngây thơ, đáng yêu, sống cởi mở, chân thành. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôi kể thứ ba chân thực  - Cách xây dựng nhân vật thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc  - Ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú  - Sử dụng kết hợp nhiều BPNT: điệp, ẩn dụ..  **2. Nội dung**  - Qua cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và con cáo, tác giả đã vẽ ra một thế giới cảm xúc hồn nhiên, ngây thơ, trong trẻo dành tặng cho trẻ thơ.  - Giúp người đọc cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn, ý thức trách nhiệm với bạn bè, với những gì mà mình gắn bó, yêu thương. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi “VÒNG QUAY MAY MẮN”**

**1. Thể loại của tác phẩm “Hoàng tử bé”?**

**A. Truyện đồng thoại**

B. Thơ văn xuôi

**C.** Truyện cổ tích

D. Truyện dài

**2. “Cảm hóa” trong đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn” mang nghĩa nào?**

A. Làm cho cảm động

**B. Làm thay đổi, trở nên gần gũi hơn**

C. Bị cảm nặng hơn

D. Làm cho xa cách

**3. Đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn” kể về cuộc gặp gỡ giữa ai với ai?**

**A. Hoàng tử bé và con cáo**

B. Tác giả và hoàng tử bé

C. Tác giả và con cáo

D. Hoàng tử bé và bông hồng

**4. Đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn” gợi ra cách kết bạn như thế nào?**

A. Phải kiên nhẫn

B. Phải dành thời gian cho nhau

C. Phải có trách nhiệm

**D. Cả 3 đáp án trên**

**5. Mục đích chính của con cáo khi gặp Hoàng tử bé là gì?**

A. Muốn có bạn

B. Muốn có nhiều tiền

C. Muốn có đồ ăn ngon

**D. Muốn được cảm hóa**

**6. Em hãy chia sẻ cảm nhận của mình sau khi học xong đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn”**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động “NHẬT KÍ VỀ TÌNH BẠN**”: Đóng vai nhân vật Hoàng tử bé và hoàn thiện nhật kí kể về tình bạn của mình với cáo sau khi trở về hành tinh của mình

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các kiểu cấu tạo của từ tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ đơn, từ láy), chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn

- Nhận biết được nghĩa của từ ngữ và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức cho HS làm bài tập nhanh**: *Hãy giải thích nghĩa của từ “trách nhiệm” trong câu văn sau :“Mình có trách nhiệm với bông hồng của mình”*

*+ Trách: (phụ trách)*

*+ Nhiệm: (gánh vác, đảm nhận)*

*Phần việc mà mình phải gánh vác, và phải chịu kết quả (tốt- xấu) của việc đó*

**- Từ kết quả trò chơi của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới***: ..........*

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu: ôn lại kiến thức về** nghĩa của từ ngữ, biện pháp tu từ so sánh, từ ghép và từ láy

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu HS** nhắc lại kiến thức liên quan đến nghĩa của từ ngữ, BPTT so sánh và từ ghép, từ láy.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Nghĩa của từ ngữ**  ***Có thể giải thích nghĩa của từ bằng hai cách chính:***  ***+*** *Trình bày khái niệm mà từ biểu thị*  *+ Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa vơi từ cần giải thích*  ***Phương tiện để giải thích nghĩa của từ:***  ***+*** *Từ điển*  *+ Đoán nghĩa của từ dựa vào câu, đoạn văn mà từ đó xuất hiện*  **2. BPTT so sánh**  **- Khái niệm:**  So sánh là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên những điểm tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  **- Các từ thường dùng để so sánh:**  Như, như là, tựa như, hơn, kém, thua, bằng, khác nào….  **3. Từ ghép và từ láy**  - **Từ ghép** là từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. Ví dụ: *tiếng nhạc, bánh mì, vàng óng*  - **Từ láy** là từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) .Ví dụ: *bồn chồn, lo lắng, phàn nàn* |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1,3,4  - GV tổ chức hoạt động: **Cuốn từ điển của lớp (bài tập 2)**  **Bài tập:** *giải nghĩa các từ in đâm: Sửa soạn, Cốt lõi; Đơn điệu; Trống rỗng; Kiên nhẫn và đặt câu với mỗi từ: đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi.*  **- Sửa soạn:** chuẩn bị, sắp đặt trước để làm việc gì đó.  **- Cốt lõi:** cái chính và quan trọng nhất  **- Đơn điệu:** chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu.  **- Trống rỗng:** không chứa đựng cái gì  **- Kiên nhẫn:** bền bỉ, nhẫn nại dẫu có gặp khó khăn, trở ngại.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  **Cảm hóa**  **+ Cảm:** *Cảm xúc, tình cảm* **🡪** *Làm cho rung động*  + **Hóa:** *Biến đổi, biến hóa* 🡪 *Trở thành, làm cho trở thành hay làm cho có tính chất mà trước đó chưa có.*  🡺 *Làm cho xúc động mà nghe theo, chuyển biến theo hướng tốt*  - **Tha hóa**: Biến thành cái khác, mang đặc điểm trái ngược, đi xuống với bản chất vốn có  - **Đồng hóa:** Làm thay đổi bản chất cho giống như của mình  - **Nhân cách hóa**: Gán cho loài vật hoặc vật vô tri hình dáng, tính cách như con người  - **Trẻ hóa:** Làm cho thành phần gồm có nhiều người trẻ hơn, để có nhiều nhân tố tích cực hơn.  **Bài tập 2**  **\* Đặt câu:**  - Điều **cốt lõi** của tình bạn là trân trọng và yêu thương lẫn, giúp đỡ nhau.  - **Kiên nhẫn** là một đức tính tốt mà mỗi con người cần trang bị và rèn luyện  - Không có bạn bè, cuộc sống của chúng ta thật **đơn điệu** và buồn chán biết bao!  **Bài tập 3**  **- Biện pháp so sánh:** Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang như là tiếng nhạc.  **- Tác dụng**: Hình ảnh so sánh giúp người đọc hình dung rõ hơn về sức mạnh của tiếng bước chân - giống như tiếng nhạc định hướng cho cáo bước ra khỏi hang. Qua đó tác giả khẳng định sức mạnh to lớn của tình bạn giúp con người cảm nhận được bằng trái tim, vượt qua mọi nỗi sợ hãi.  **Bài tập 4**  - Xin chào  - Vĩnh biệt  - Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần  - Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn  - Bạn có trách nhiệm với bông hỗng của bạn  *Tác dụng:* Nhấn mạnh nội dung câu nói. Tạo tính nhạc, tính thơ cho văn bản |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học thực hiện yêu cầu

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV yêu cầu HS:** Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé hoặc nhân vật cáo, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 2 từ ghép và 2 từ láy.

**ĐOẠN VĂN MẪU**

Nhân vật hoàng tử bé trong cuốn truyện cùng tên của nhà văn Ăng- toan đơ Xanh- tơ Ê-ru-pê-ri chính là hình ảnh của trẻ nhỏ. Dưới con mắt của cậu, mọi thứ đều hồn nhiên, nhí nhảnh, đáng yêu. Vượt qua khoảng cách về địa lí, hoàng tử bé gặp con cáo ở trái đất và có tình bạn thật đẹp. Quá trình hoàng tử bé cảm hóa con cáo dạy cho em cách để có them những người bạn. Từ đó, em biết phải có trách nhiệm, dành thời gian cho những gì mình yêu thương để thực sự gần gũi, thấu hiểu và chia sẻ. Em sẽ nhớ mãi những câu nói mà hoàng tử nhắc lại lời con cáo để tự nhắc nhở chính mình.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: BẮT NẠT**

*Nguyễn Thế Hoàng Linh*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

  - HS nhận biết được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bắt nạt*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bắt nạt*

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

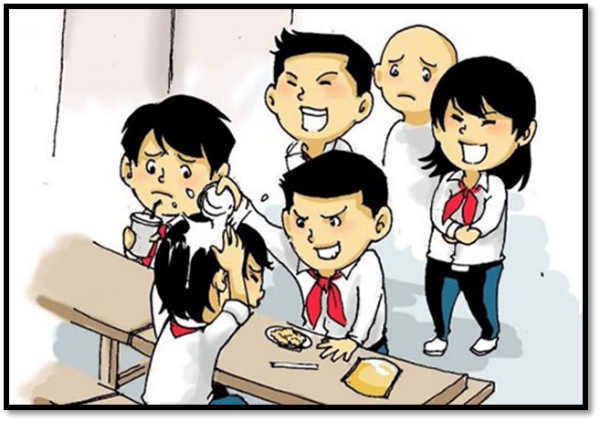
**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi gợi dẫn: Những hình ảnh trên gợi cho em suy nghĩ đến hiện tượng gì?**



🡪 BẮT NẠT 🡪 BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *“Bắt nạt” hành vi khá phổ biến trong tuổi học trò. Đơn giản thì dành của bạn cây bút, quyển sách, món đồ, đáng lo hơn là những lời nói dọa nạt, những lần động chân, động tay. Mức độ ảnh hưởng của hành vi bắt nạn thì cũng đáng kể. Nhiều bạn HS rơi vào tâm trạng lo lắng, hoang mang, thậm chí sợ hãi. Nói đến chuyện bắt nạt, có lẽ chỉ ở các giờ học ngoại khóa, các tiết trải nghiệm thôi. Ấy thế mà nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh lại viết thành thơ các em ạ. Trước một hành động rất xấu xí ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở mỗi chúng ta cần làm gì? Chúng ta cùng khám phá bài thơ!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV gọi HS đọc trước lớp**  - GV giải thích một số từ khó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV tổ chức trò chơi SIÊU TRÍ NHỚ LÀ AI?**  **+** GV sẽ chiếu thông tin về tác giả, sau 2 giây sẽ che khuyết một số thông tin và kiếm tra khả năng ghi nhớ của học sinh.  - **GV yêu cầu HS** tìm hiểu về văn bản “Bắt nạt” (xuất xứ, bố cục, PTBĐ, chủ đề, thể thơ, nhân vật trữ tình…)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  - Gv mời 2 bạn đọc to trước lớp  - **Giọng đọc**: trôi chảy, biết nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc, không thêm từ, bớt từ  b. Chú thích  *-* ***Híp- hóp****:* một điệu nhảy hiện đại, linh hoạt, tự do, được giới trẻ yêu thích.  *-* ***Mù tạt****:* gia vị được chế biến từ hạt của cây họ cải, có vị cay nồng  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:**  - Nguyễn Thế Hoàng Linh sinh năm 1982 tại Hà Nội.  - Anh sáng tác thơ từ năm 12 tuổi  - Thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui.  - Một số tập thơ tiêu biểu: Mật thư, Bé tập tô, Ra vườn nhặt nắng…  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** In trong tập thơ: Ra vườn nhặt nắng, sáng tác năm 2017  **- Thể thơ**: 5 chữ  - **Chủ đề:** Hiện tượng bắt nạt  - **Nhân vật trữ tình:** Tác giả xưng “tớ”  - **Phương thức biểu đạt chính**: Biểu cảm.  **- Bố cục:**  + Phần 1 (khổ 1) 🡪 Nêu vấn đề.  + Phần 2 (khổ 2,3,4) 🡪 Những việc nên làm thay vì bắt nạt  + Phần 3 (khổ 5,6) 🡪 Phủ định mạnh mẽ việc bắt nạt  + Phần 4 (khổ 7,8) 🡪 Lời nhắn nhủ của tác giả |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được:

- Thái độ của nhân vật tớ

- Lời khuyên và bài học rút ra

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chia lớp thành 2 nhóm và tổ chức hoạt động: TEAM MÌNH GIỎI NHẤT**  **TEAM 1**: Tìm những câu thơ, hình ảnh, từ ngữ thể hiện thái độ của tác giả đối với **NGƯỜI BẮT NẠT**  **TEAM 2**: Tìm những câu thơ, hình ảnh, từ ngữ thể hiện thái độ của tác giả đối với **NGƯỜI BỊ BẮT NẠT**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Thái độ của nhân vật tớ**   |  |  | | --- | --- | | **Đối với các bạn bắt nạt** | **Đối với các bạn bị bắt nạt** | | + Bắt nạt là xấu lắm  + Bất cứ ai trên đời  Đều không cần bắt nạt + Vẫn không thích bắt nạt  Vì bắt nạt rất hôi  🡺 Phê bình thẳng thắn, phủ định dứt khoát, mạnh mẽ chuyện bắt nạt  - Trò chuyện, tâm tình:  + Đừng bắt nạt bạn ơi!  - Câu hỏi dí dỏm, hài hước:  + Tại sao không học hát  Nhảy hip-hóp cho hay?  + Sao không ăn mù tạt  Đối diện thử thách đi?  + Sao không trêu mù tạt?  🡺 Cởi mở, thân thiện | + Những bạn nào nhút nhát  Thì là giống thỏ non  Trông đáng yêu đấy chứ.  🡺 Gẫn gũi, tôn trọng, yêu mến  + Bạn nào bắt nạt bạn  Cứ đưa bài thơ này  Bảo nếu cần bắt nạt  Thì đến gặp tớ ngay  🡺 Sẵn sàng bênh vực |   🡪 Nghệ thuật: “Đừng bắt nạt”  - Xuất hiện 7 lần  **🡺 Điệp ngữ, điệp cấu trúc**  **- Tác dụng:**  + Tạo nhịp điệu, nhấn mạnh thái độ phủ định đối với thói bắt nạt  + Khuyên nhủ, nhắc nhở mọi người không nên bắt nạt |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV dặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Em hãy tìm trong bài thơ những hình ảnh, câu thơ, từ ngữ mà em cảm thấy thú vị, khi đọc lên có thể bật cười?  + Theo em, bài thơ “Bắt nạt” muốn khuyên chúng ta điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Lời khuyên và bài học rút ra**  **a. Yếu tố hài hước trong bài thơ**  **- Cách nói, hỏi hồn nhiên:** Tại sao không...; sao không...; đấy chứ...  **- Chi tiết ngộ nghĩnh, thú vị:** nhảy Hip-hop, mù tạt, bắt nạt mèo, chó, cái cây...  **- Từ ngữ:** bắt nạt dễ lây, bắt nạt rất hôi  **🡪 Giọng điệu tươi vui, hồn nhiên, nhí nhảnh**  **b. Lời khuyên và bài học**  - Không nên bắt nạt bất cứ ai  - Hãy sống chan hòa, đoàn kết, yêu thương |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ 5 chữ  - Hình ảnh thơ ngộ nghĩnh.  - Giọng thơ hài hước, dí dỏm, tâm tình, gần gũi, tạo không khí thân thiện, khiến người nghe dễ tiếp nhận, thể hiện cách nhìn bao dung.  **2. Nội dung**  **-** Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt là thói quen xấu xí, đáng chê. Từ đó giúp mọi người có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.  - Tâm hồn thơ trong sáng, cách nhìn thân thiện, bao dung của nhà thơ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi “DORAEMON CÂU CÁ”**

**1. Đâu không phải là hoạt động mà tác giả gợi ý thay vì bắt nạt?**

1. **Chơi bóng**
2. Học nhạc

**2. Theo tác giả, những bạn nhút nhát được miêu tả giống con gì?**

1. **Thỏ non**
2. Cừu non

**3. Tác giả đã liên hệ với ai khi nhắc đến việc «bắt nạt»?**

1. Bạn của mình
2. **Chính «tôi»**

**4. Trong bài, cụm từ «bắt nạt» xuất hiện bao nhiêu lần?**

1. 16 lần
2. **17 lần**

**5. Bài thơ «bắt nạt» được viết theo thể thơ gì?**

1. **5 chữ**
2. 7 chữ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. GV đưa ra hình ảnh với tình huống bắt nạt học đường và đưa ra yêu cầu:** Chia sẻ cảm xúc của em (khi là người bắt nạt và khi là người bị bắt nạt).

**Bắt nạt học đường**

* Mình sợ mai lại bị chặn đường nữa.
* Bạn là đồ mít ướt.
* Đưa cặp đây kiểm tra xem có đồ gì ăn không nào?
* Sao các bạn lại nói mình như thế nhỉ?



**2. GV tổ chức hoạt động “GỬI LỜI YÊU THƯƠNG**”: Mỗi em sẽ nhận 1 mẩu giấy và viết những lời yêu thương/ xin lỗi đến một người bạn của mình.

**3. GV đưa ra nhiệm vụ:** Viết một đoạn văn ngắn (5-7 dòng) nêu suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong học đường.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**Tiết….: VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm

- HS viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đưa ra câu hỏi:* ***Hãy chia sẻ một vài trải nghiệm đáng nhớ của em.***

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:..................................***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại trải nghiệm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Gv đặt câu hỏi:** Theo em, một bài văn kể lại trải nghiệm cần đáp ứng những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  -Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  -Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể. |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**Phân tích bài viết tham khảo “Người bạn nhỏ”

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV áp dụng kỹ thuật: THINK- PAIR- SHARE**  - Bài viết nói về nội dung gì?  - Vì sao em biết câu chuyện này được kể ở ngôi thứ nhất?  - Thời điểm, không gian, thời gian xảy ra sự việc. Đó là những sự việc nào?  - Đoạn cuối của bài viết nói về nội dung gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  **- Bài viết nói về nội dung gì? 🡪** Kể lại một trải nghiệm của bạn nhỏ  **- Vì sao em biết câu chuyện này được kể ở ngôi thứ nhất? 🡪** Vì người kể xưng “tôi”  **- Thời điểm, không gian, thời gian xảy ra sự việc. Đó là những sự việc nào? 🡪** Thời điểm: hơn một năm rồi/ Không gian: ở nhà/ Thời gian: khi nhân vật tôi học lớp 5  **🡪 SV1:** gia đình chuyển nhà, Bông và mẹ bị chuột gặm chân.  **🡪 SV2:** bà ngoại gửi Mun lên. Nhân vật “tôi” tập trung tả và kể về sự xuất hiện của Mun trong gia đình, vai trò bảo vệ của Mun đối với ngôi nhà.  **🡪 SV3:** Mun biến mất, nhân vật “tôi” tập trung thể hiện tình cảm, cảm xúc của các thành viên trong gia đình đối với sự việc.  **- Đoạn cuối của bài viết nói về nội dung gì? 🡪** cảm xúc của nhân vật “tôi” trước sự việc được kể: không quên được, biết ơn Mun. |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:    GV đặt câu hỏi:  + Theo em, dàn ý của bài viết kể lại một trải nghiệm gồm mấy phần, đó là những phần nào?  + Theo em, khi viết bài em cần lưu ý những gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  a. Lựa chọn đề tài  - Nghĩ về những sự việc quan trọng đã xảy ra với em. Liệt kê ra giấy các sự việc đáng nhớ.  - Có thể tham khảo một vài ý tưởng sau đây:  + Một trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc (một lần kết bạn, chuyến đi có ý nghĩa, bữa tiệc sinh nhật, một thành tích hay chiến thắng, một lần em giúp đỡ người khác hay được người khác giúp đỡ…)  + Một trải nghiệm buồn, tiếc nuối (chia xa một người bạn, hiểu lầm một người, một lần mắc lỗi…)  + Một trải nghiệm khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân, học được một bài học trong cuộc sống (một hành trình khám phá, một lần thất bại…)  b. Tìm ý (theo mẫu phiếu học tập)    c. Lập dàn ý  **Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**  **- Mở bài:** Giới thiệu câu chuyện  **- Thân bài:** Kể lại diễn biến của câu chuyện  +Giới thiệu không gian, thời gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan.  + Kể lại các sự việc có trong câu chuyện.  **- Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về câu chuyện đó.  **2. Viết bài**  Bám sát dàn ý. Khi viết bài, em cần lưu ý:  - **Nhất quán về ngôi kể**: Trong bài văn này, em sẽ dùng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi” hoặc “em”) để chia sẻ câu chuyện.  - **Sử dụng các yếu tố của truyện**: cốt truyện, nhân vật, sự việc…  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Chỉnh sửa bài viết dựa theo mẫu phiếu sau: |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* ***Em hãy viết một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

Câu chuyện xảy ra cách đây hai tháng trước, nhưng mỗi lần nhớ lại, tôi lại cảm thấy mọi thứ như vừa mới xảy ra. Bởi vì đó là lần đầu tiên tôi có một trải nghiệm tuyệt vời như vậy.

Nhân dịp mùng 8 tháng 3, bố, tôi và em Thu đã quyết định sẽ tặng cho mẹ một món quà đặc biệt - đó là một bữa tiệc thịnh soạn do chính tay ba bố con tôi chuẩn bị. Tôi đã lên kế hoạch để nhờ cô Hòa - đồng nghiệp của mẹ giúp đỡ. Cô sẽ rủ mẹ đi mua sắm sau giờ làm để bố con tôi có thời gian chuẩn bị mọi thứ.

Buổi chiều hôm đó, sau khi tan học, tôi cố gắng về nhà thật sớm. Bố cũng đã xin công ty cho về sớm. Lúc về đến nhà, tôi thấy trên bàn đã có một bó hoa rất đẹp. Một bó hoa hồng nhung thật đẹp. Loài hoa tượng trưng cho tình yêu. Tôi thầm nghĩ khi nhận được bó hoa này chắc chắn mẹ sẽ rất hạnh phúc.

Sau khi dọn cất sách vở, tôi liền vào bếp giúp bố. Tôi phụ trách rửa rau, thái thịt và nấu cơm. Còn việc chế biến món ăn sẽ do đảm nhận. Em Thu phụ trách dọn lau dọn bàn ăn, chuẩn bị bát đũa. Hơn hai tiếng đồng hồ trôi qua, ba bố con tôi đã hoàn thành những món ăn mà mẹ thích: sườn xào chua ngọt, đậu kho thịt, canh cá chua ngọt… Những món ăn hấp dẫn, đẹp mắt đã được dọn lên bàn. Ở giữa bàn còn là một lọ hoa hồng do chính tay tôi tự cắm. Sau khi làm xong hết mọi công việc, ba bố con tôi đều đồng ý với nhau rằng công việc quả nội trợ quả thật rất vất vả.

Đến bảy giờ tối, tôi nhắn tin báo cho cô Hòa mọi việc chuẩn bị đã xong. Khoảng mười lăm phút sau thì mẹ đã về đến nhà. Em Thu được giao nhiệm vụ đón mẹ. Khi mẹ bước vào bếp, bố đã cầm bó hoa hồng tặng mẹ. Lúc đó tôi nhìn thấy khuôn mặt của mẹ rất ngạc nhiên, kế tiếp là nụ cười hạnh phúc. Cả gia đình ngồi vào bàn ăn. Mẹ đã rất ngạc nhiên khi nghe tôi kể về quá trình nấu ăn của ba bố con. Chúng tôi cùng nhau ăn cơm thật vui vẻ, mẹ còn khen các món ăn rất ngon. Buổi tối hôm đó, gia đình tôi ngập tràn tiếng cười hạnh phúc.

Đó là lần đầu tiên tôi được trải nghiệm công việc nấu ăn. Nhờ vậy mà tôi nhận ra mẹ đã vất vả như thế nào để nấu cho chúng tôi những bữa cơm ngon. Bởi vậy mà tôi cảm thấy thương và yêu mẹ nhiều hơn

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT …..: NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nói được về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* **GV tổ chức hoạt động NHẬP VAI TÌNH HUỐNG:** Em vừa tham gia một trải nghiệm cùng với gia đình ở một địa điểm du lịch tuyệt đẹp. Hãy nhập vai, nhớ lại tình huống, trải nghiệm đó và kể lại cho cả lớp nghe.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *.......................................................*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  - Các nhóm luyện nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung**  - Lựa chọn một trải nghiệm thú vị  - Chú ý từ ngữ, câu văn quan trọng (câu giới thiệu, thời gian, không gian, sự việc, cảm xúc của bản thân…)  - Ghi ra giấy những ý quan trọng và sắp xếp theo trật tự phù hợp  **2. Tập luyện**  - Tập luyện một mình  - Trình bày trước bạn bè, người thân  - Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi, rút kinh nghiệm sau những lần tập luyện |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: “***Nói và nghe kể lại một trải nghiệm của bản thân”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS báo cáo sản phầm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Chú ý khi trình bày bài nói**  1. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, thống nhất ngôi kể  2. Kể về trải nghiệm theo dàn ý, đảm bảo thời gian quy định  3. Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt…)  4. Kết hợp trình bày câu chuyện với sử dụng tranh ảnh, bài hát để tăng sức hấp dẫn | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Chào hỏi, giới thiệu về câu chuyện  - Ví dụ: Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là.............học sinh lớp ................ trường....... ............ Sau đây, tôi xin phép được kể về một trải nghiệm của bản thân trong một buổi về quê thăm ông bà....  **2. Triển khai**  - Nêu sự việc, tình huống đó diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?  - Sự việc, tình huống đó cụ thể như thế nào?  - Cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của em khi trải qua sự việc đó.  - Bài học nhận được  **3. Kết thúc**  **- Phát biểu suy nghĩ của em, lời cảm ơn**  - Ví dụ: Đó là một trải nghiệm rất thú vị của tôi. Tôi tin rằng, bản thân mỗi người đều có trong mình những dấu ấn về cuộc trải nghiệm nào đó. Những trải nghiệm đó giúp ta lớn lên, ghi dấu những kỉ niệm…. Và tôi cũng vậy. Thật vui và tự hào khi ngày hôm nay được đứng trước lớp và chia sẻ trải nghiệm của bản thân mình. Mong rằng cô giáo và các bạn sẽ cho tôi những góp ý, nhận xét để tôi có những bài nói hay hơn trong thời gian tới. Tôi xin cảm ơn. |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Điều hấp dẫn, thú vị của câu chuyện.  + Những sự việc, chi tiết còn chưa rõ trong bài nói | Lắng nghe những ý kiến, phản hồi của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  Giải thích thêm về những sự việc, chi tiết mà người nghe còn chưa rõ | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS thực hành bài nói với các đề bài sau:**

+ Trải nghiệm về một buổi về quê thăm ông bà

+ Trải nghiệm về một ki niệm tuổi thơ

+ Trải nghiệm về một trò chơi dân gian

**Bài nói tham khảo**

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là.............học sinh lớp ................ trường....... ............ Sau đây, tôi xin phép được kể về một trải nghiệm của bản thân trong một buổi về quê thăm ông bà....

Mỗi lần về quê thăm ông bà ngoại, tôi đều có những trải nghiệm thật đáng nhớ. Vùng quê thanh bình đem đến nhiều điều tuyệt vời và thú vị.

Đó có thể là những buổi sáng thức dậy thật sớm để cùng ông đi dạo trên cánh đồng lúa mênh mông, cảm nhận hương thơm của bông lúa mới. Đó là những bữa cơm ngon lành mà bà ngoại nấu, dù giản dị nhưng chan chứa tình yêu thương của bà. Đó là những buổi chiều cùng đám bạn trong xóm đi thả diều, bắt cá ngoài đồng. Thật nhiều kỉ niệm đẹp đẽ nhưng có lẽ có một kỉ niệm mà tôi vẫn còn nhớ mãi cho đến bây giờ.

Đó là kỉ niệm xảy ra vào lúc tôi mười tuổi. Tôi và anh Hoàng - anh trai của tôi rủ nhau đi câu cá. Hai anh em tôi ngồi câu cá được một lúc thì nghe thấy tiếng hò reo sôi nổi. Phía đằng xa là một nhóm học sinh đang thi bơi lội. Chúng tôi chạy đến chỗ cuộc thi diễn ra. Thì ra là nhóm bạn hàng xóm tôi mới quen hôm trước. Tôi cảm thấy rất thích thú, liền đề nghị được tham gia. Tôi liền rủ anh Hoàng nhưng anh lại từ chối. Tôi biết vì sao anh Hoàng từ chối tham gia. Trước đây, anh từng đạt giải Nhất cuộc thi bơi của thành phố. Anh rất yêu thích bơi lội. Bạn bè, người thân đều nói anh có tài năng. Nhưng vì một sự cố, anh đã từ bỏ ước mơ của mình. Điều đó đã khiến tôi cảm thấy rất buồn...

Nhóm thi đấu của chúng tôi gồm có năm người. Trọng tài là Tuấn - người bạn hàng xóm thân thiết nhất của tôi. Sau khi trọng thổi còi bắt đầu hiệp đấu. Hai tuyển thủ từ tư thế chuẩn bị đã nhanh chóng vào cuộc đua. Tiếng hô hào, cổ vũ vang vọng khắp con sông. Các đối thủ ngang sức ngang tài, không ai chịu kém ai vẫn đang bơi song song nhau. Tôi cố gắng bơi hết sức. Bỗng nhiên tôi cảm thấy chân bên trái của mình bị tê. Tôi bơi chậm lại rồi dần tụt lùi phía sau. Tôi nghe thấy có tiếng ai hoảng hốt kêu lên: “Hình như thằng Lâm bị chuột rút rồi”.

Tôi vùng vẫy trong nước. Nhưng không thể bơi tiếp. Không biết bản thân đã uống biết bao nhiêu là nước. Trong lúc mê man, tôi nghe thấy một giọng nói quen thuộc: “Lâm ơi, em ơi! Mau tỉnh lại đi em!”. Cho đến khi tỉnh táo thì tôi đã thấy anh Hoàng trước mặt mình. Khuôn mặt của anh đầy lo lắng. Hình như chính anh Hoàng là người đã cứu tôi.

Tôi dần dần tỉnh lại. Tôi thấy mọi người xung quanh đều thở phào nhẹ nhõm. Có tiếng nói cất lên: “Anh Hoàng tài thật, ở khoảng cách xa như vậy mà đã cứu được Lâm một cách thần kỳ!”. Có tiếng hưởng ứng: “Đúng vậy!”, “Đúng vậy!”... Tôi mỉm cười, lòng đầy tự hào rồi nhìn anh Hoàng, khẽ nói: “Cảm ơn anh!”.

Nhờ có trải nghiệm ngày hôm đó, tình cảm của hai anh em càng trở nên thắm thiết. Không chỉ vậy, anh Hoàng còn quay trở lại tập luyện để chuẩn bị cho cuộc thi bơi dành cho thiếu niên sắp diễn ra. Một trải nghiệm nhỏ nhưng đem đến cho anh em tôi thật nhiều điều tốt đẹp. Đó là một trải nghiệm rất thú vị của tôi. Tôi tin rằng, bản thân mỗi người đều có trong mình những dấu ấn về cuộc trải nghiệm nào đó. Những trải nghiệm đó giúp ta lớn lên, ghi dấu những kỉ niệm…. Và tôi cũng vậy. Thật vui và tự hào khi ngày hôm nay được đứng trước lớp và chia sẻ trải nghiệm của bản thân mình. Mong rằng cô giáo và các bạn sẽ cho tôi những góp ý, nhận xét để tôi có những bài nói hay hơn trong thời gian tới. Tôi xin cảm ơn.

****

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* chia 4 nhóm, tập nói trong thời gian 10 phút và cử 1 đại diện nhóm nên thực hiện bài nói.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 5: Củng cố- mở rộng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

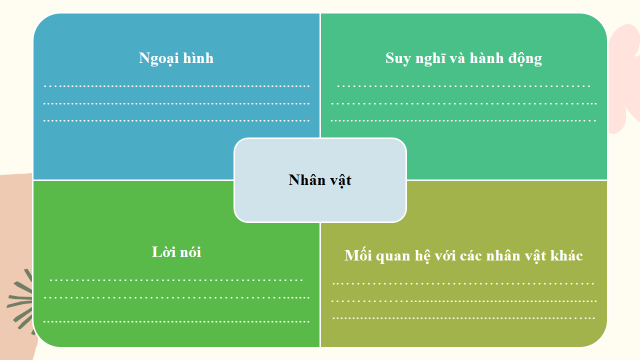
**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**Bài tập 1.** Giới thiệu một truyện đồng thoại mà em yêu thích.

|  |  |
| --- | --- |
| **- Đối với văn bản truyện:** | + Người kể chuyện là ai? |
| + Chỉ một số đặc điểm giúp em nhận biết đó là truyện đồng thoại. |
| + Nhân vật: Câu chuyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong câu chuyện gồm những ai? Ai là nhân vật chính? |
| + Liệt kê chi tiết tiêu biểu để tác giả miêu tả đặc điểm nhân vật thông qua các yếu tố miêu tả ngoại hình, hành động suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác, lời nói. |
| **- Cảm nhận về đặc điểm của nhân vật?** | |

****

**Bài tập 2**.Trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* nhờ Dế Choắt, Dế Mèn đã rút ra bài học cho mình. Trong đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn* ...cáo bày tỏ nếu được kết bạn với hoàng tử bé, cuộc đời cáo sẽ thay đổi như thể được mặt trời chiếu sáng. Hãy kể về một thay đổi tích cực của bản thân mà em có được nhờ bạn bè.

**Gợi ý**

**1. Tìm hiểu đề:**

- Yêu cầu kể về một thay đổi tích cực của bản thân mà em có được nhờ bạn bè

**2. Tìm ý.**

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Giới thiệu được về một thay đổi tích cực của bản thân.

- Lí do của sự thay đổi: Tập trung vào sự việc đã xảy ra gắn với một kỉ niệm về tình bạn (Kỉ niệm vui, hay buồn, người bạn đã có hành động, lời nói, việc làm nào để giúp em thay đổi tích cực).

- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***.*